

Số: 357/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 270/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Đình Khôi Ng, sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố H, phường An, tỉnh G

- Bà Bùi Thị Anh Th, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Số B đường Q, Khu phố C, phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trần Đình Khôi Ng và bà Bùi Thị Anh Th là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2024 ngày 06/11/2024 của Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Ủy ban nhân dân phường Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh).

[2] Theo đơn yêu cầu của đương sự ngày 21/01/2026 và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/02/2026, ông Ng và bà Th yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông Ng và bà Th có một con chung tên Trần Hạo Nh sinh ngày 02/7/2021. Hai bên thỏa thuận bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến

tuổi trưởng thành. Bà Th không yêu cầu ông Nguyễn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, ông Ng và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Ng và bà Th thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Đình Khôi Ng và bà Bùi Thị Anh Th thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2024, ngày 06/11/2024 do Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Nay là Ủy ban nhân dân phường Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Đình Khôi Ng và bà Bùi Thị Anh Th hết hiệu lực.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Hạo Nh sinh ngày 02/7/2021. Hai bên thỏa thuận bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và bà Th không yêu cầu ông Nguyễn cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ng và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Đình Khôi Ng và bà Bùi Thị Anh Th phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Ng và bà Th đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0010435 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế